

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà H, sinh năm 1984;

2. Ông N, sinh năm 1973;

Cùng hộ khẩu thường trú: xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An;

Cùng tạm trú: đường số M, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2019 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà H và ông N có 02 (hai) con chung là A (nữ), sinh ngày 19/02/2006 và T (nam), sinh ngày 29/6/2007; hai bên thoả thuận bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung A và T sau khi ly hôn, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2018 ngày 02 tháng 3 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà H và ông N có 02 (hai) con chung là A (nữ), sinh ngày 19/02/2006 và T (nam), sinh ngày 29/6/2007. Sau khi ly hôn, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung A và T; ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà H và ông N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2018/0031245 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và ông N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X
- UBND xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phơ